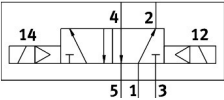


**Van**  
**VOFC-L-B52-FG14-F19**  
Số bộ phận: 4514929

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                            |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 lưỡng ổn định                                                  |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                               |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 40 mm                                                              |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 989 l/ph                                                           |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Tấm kết nối<br>G1/4                                                |
| Áp suất vận hành                                           | 0.25 MPA...0.8 MPA<br>2.5 bar...8 bar<br>36.25 psi...116 psi       |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                               |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                               |
| Chiều rộng định mức                                        | 6 mm                                                               |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                             |
| Nút ghi đè                                                 | không                                                              |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                   |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                              |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                |
| Tốc độ dòng chảy Kv thông gió                              | 1.08 m³/h                                                          |
| Thông khí lưu lượng Kv                                     | 1.08 m³/h                                                          |
| Lưu lượng định mức thông thường 2-3                        | 978 l/ph                                                           |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 22 ms                                                              |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 26 ms                                                              |
| Chống cháy nổ                                              | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:2:2]                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                                  |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364 Vùng III                                                 |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -25 °C...60 °C                                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -25 °C...60 °C                                                     |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 680 g                                                              |

| Đặc tính           | Giá trị                                    |
|--------------------|--------------------------------------------|
| Cổng nối khí nén 1 | G1/4                                       |
| Cổng nối khí nén 2 | Mặt bích 1/4<br>cổng kết nối cho van NAMUR |
| Cổng nối khí nén 3 | G1/4                                       |
| Cổng nối khí nén 4 | Mặt bích 1/4<br>Sơ đồ kết nối NAMUR        |
| Cổng nối khí nén 5 | G1/4                                       |
| Ghi chú vật liệu   | Tuân thủ RoHS                              |
| Vật liệu của phốt  | NBR                                        |
| Vật liệu vỏ        | Nhôm phủ Ematal                            |